TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2021
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Lợi

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị B, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: Xóm 10, xã NC (nay là xóm TT, xã TPC), huyện NĐ, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ tạm trú: 63/11/5A đường số 8, tổ 12, khu phố 1, phường LX, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm 10, xã NC, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện tại: Đài Loan; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Xuân Ph, sinh năm 1957;

Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1958;

Đều trú tại: Xóm 10, xã NC(nay là xóm TT, xã TPC), huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chịVõ Thị B trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Hữu N kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã NC, huyệnNĐ, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 03/8/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại xóm 10, xã NC, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên về sau, do cuộc sống gia đình khó khăn nên anh N đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Mấy năm nay vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn , chị và anh N không còn quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống vợ chồng không còn thấu hiểu, chia sẻ. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không còn tiếng nói chung , tình trạng hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, chị yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Hữu N.

Về con chung: Chị và Anh Nguyễn Hữu N có 02 con chung là Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 06/06/2008 và Nguyễn Quốc C, sinh ngày 08/8/2013. Do Anh Nguyễn Hữu N đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, chị không biết địa chỉ cụ thể. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giao c ho chị nuôi dưỡng 02 con chung đến lúc trưởng thành và không yêu cầu anh Nphải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Võ Thị B ở Việt Nam nhưng đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh cách xa Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, không có điều kiện về tham gia phiên tòa nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn Anh Nguyễn Hữu N, hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân là ông Nguyễn Xuân Ph và bà Trần Thị Ch (bố, mẹ đẻ của anh N) đến lần thứ hai mà thân nhân của anh N cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh N cho Tòa án biết. Đồng thời cho đến nay, anh N cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Ph và bà Trần Thị Ch thống nhất trình bày:

Ông, bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và công văn yêu cầu cung cấp địa chỉ của Anh Nguyễn Hữu N do Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An tống đạt. Theo ông, bà thì anh Nđi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nhưng ông, bà và anh N chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại nên ông, bà không biết địa chỉ của anh N ở Đài Loan để cung cấp cho Tòa án. Ông, bà là người trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Quốc Kh từ khi cháu Kh được 10 tháng tuổi đến nay, khi đó vợ chồng chị B và anh N đang làm việc ở Miền Nam. Nếu chị B và anh N ly hôn thì ông, bà không yêu cầu chị B và anh N phải trả tiền công sức trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh. Đồng thời, ông, bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và không triệu tập ông, bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ông Nguyễn Xuân Ph và bà Trần Thị Ch là bố, mẹ đẻ của anh N cho biết: Anh Nguyễn Hữu N hiện đang lao động tại Đài Loan, nhưng ông, bà không biết nơi cư trú cụ thể của anh Nở Đài Loan; thỉnh thoảng anh Ncó liên lạc điện thoại về cho ông, bà. Việc Anh Nguyễn Hữu N vắng mặt được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị B, cho chị B được ly hôn với Anh Nguyễn Hữu N. Về con chung: Giao cho chị Võ Thị B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 06/06/2008 và Nguyễn Quốc C, sinh ngày 08/8/2013 đến lúc các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con: Chị B, ông Ph và bà Ch không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị B hiện cư trú tại Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Hữu N hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh Ncó địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn Anh Nguyễn Hữu N không thể tham gia hòa giải được do vắng mặt tại nơi cư trú và hiện đang ở nước ngoài. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt; về phía nguyên đơn chị Võ Thị B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Ph, bà Trần Thị Ch đề nghị Tòa án không tiến hànhhòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Võ Thị B đang cư trú tại Việt Nam, đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn , viết bản tự khai và cung cấp đầy đủ chứng cứ, tài liệu cho Tòa án nhưng do bận công việc nên không tham gia phiên tòa được và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Ph và bà Trần Thị Ch do không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu nên đề nghị Tòa án không triệu tập và xin vắng mặt tại phiên tòa. Chị B và ông Ph , bà Ch phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu và chứng cứ mà các bên đã cung cấp cho Tòa án . Anh Nguyễn Hữu N hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N thông qua người thân là ông Nguyễn Xuân Ph và bà Trần Thị Ch (bố, mẹ đẻ của anh N) gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; công văn "Yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh N"; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Đồng thời, yêu cầu anh N trình bày ý kiến của mình về việc chị B có đơn xin ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh N cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh N cho Tòa án biết. Tòa án đã tiến hành xác minh qua thân nhân của anh N thì được ông Nguyễn Xuân Ph và bà Trần Thị Ch cung cấp: Anh Nguyễn Hữu N là con đẻ của ông, bà đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, anh N và gia đình chỉ liên lạc qua điện thoại; gia đình đã thông tin cho anh Nbiết việc chị Bé là con dâu của ông , bà đang làm thủ tục ly hôn anh tại Tòa án nhưng anh N không có ý kiến gì . Về phía anh N không nói rõ địa chỉ cư trú của anh tại Đài Loan cho ông, bà biết nên ông , bà không thể cung cấp được địa chỉ của anh Nở nước ngoài cho Tòa án được . Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 15/01/2021, lần thứ hai vào ngày 01/02/2021, nhưng cả hai lần anh N đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc Anh Nguyễn Hữu N vắng mặt thuộc trường hợp cố

tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối Cao, hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ . Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự . Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị B và Anh Nguyễn Hữu N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Cường, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/8/2007, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại xóm 10, xã Nam Cường, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên về sau, do cuộc sống gia đình khó khăn nên anh N đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan còn chị Bé vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc . Mấy năm nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị và anh Nkhông còn quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống vợ chồng không còn thấu hiểu, chia sẻ. Hiện tại, chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nam. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Võ Thị B và Anh Nguyễn Hữu N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Võ Thị B yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Võ Thị B và Anh Nguyễn Hữu N có 02 con chung. Hiện cháu Nguyễn Quốc C đang do chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Quốc Kh đang do ông Ph và bà Ch trông nom, chăm sóc. Nếu ly hôn, chị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến lúc trưởng thành, còn cháu Nguyễn Quốc Kh có nguyện vọng ở với bố là Nguyễn Hữu N và ông, bà nội là ông Nguyễn Xuân Ph và bà Trần Thị Ch. Xét nguyện vọng của chị B và cháu Nguyễn Quốc Kh đều chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay anh N đang ở nước ngoài và cố tình dấu địa chỉ còn chị Bé đang ở Việt Nam và có việc làm , thu nhập ổn định. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị B. Giao cho chị Bđược quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 06/06/2008 và Nguyễn Quốc C, sinh ngày 08/8/2013 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị Võ Thị B không yêu cầu Anh Nguyễn Hữu N phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Về công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc Kh: Ông Nguyễn Xuân Ph và bà Trần Thị Ch không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị Võ Thị B không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Võ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị B được ly hôn Anh Nguyễn Hữu N.

2. Về con chung: Giao cho chị Võ Thị B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 06/06/2008 và Nguyễn Quốc C, sinh ngày 08/8/2013 đến lúc các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Ông Nguyễn Xuân Ph và bà Trần Thị Ch phải có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Quốc Kh cho chị Võ Thị B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Chị Võ Thị Bé và ông Nguyễn Xuân Ph, bà Trần Thị Ch không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, Anh Nguyễn Hữu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị B không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là

300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000131 ngày 15/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Võ Thị B đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị B, ông Nguyễn Xuân Ph, bà Trần Thị Ch có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Hữu N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã TPC, h.NĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Quỳnh